

Bản án số: 74/2020/HS-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Tùng**.
Ông **Nguyễn Văn Sanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Lê Mai Ly** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Vĩnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2010/QĐST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020, đối với:

1. Bị cáo: Vũ Minh H - Sinh ngày 14.01.1998 tại Tỉnh Hải Dương.

Nơi ĐKKHKT: Phường H, Thị xã K, Tỉnh Hải Dương; Nơi ở: Lô số 11B2.6 Khu gia đình quân nhân S, phường T, C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T (sinh năm 1974) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1976); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 16.01.2020 tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Minh Hiếu là các ông **Nguyễn Duy M, Nguyễn Hào H, Dương Đức T** - Luật sư của Công ty Luật TNHH HT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: K59/16 N, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Bà **Kiều Thị Thiên H**, sinh năm 1972. Địa chỉ: K38/6 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Bà **Kiều Thị Thu T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: 14 G, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Ngô Thị Thanh H**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Kiệt 266 N, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Nguyễn Thị Ni N**, sinh năm 1978. Địa chỉ: 61 P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Ông **Ngô Đức Q**, sinh năm 1993. Địa chỉ: 43 N, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Phan Thị Kiều Mộng N**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 68, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1974. Địa chỉ: K99/11 H, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1981. Địa chỉ: K26/11 Đ, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1983. Địa chỉ: K361/2 T, phường X, quận K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Dương Thị Hồng T**, sinh năm 1961. Địa chỉ: K191/8 M, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin vắng mặt).
- Bà **Kiều Thị Hồng A**, sinh năm 1974. Địa chỉ: K909/H8/5 N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Huỳnh Thị Kim O**, sinh năm 1987. Địa chỉ: K49/H01/66 V, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm 1976. Địa chỉ: 169 N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm 1987. Địa chỉ: 35 P, phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.
- Chị **Phan Lê Trà M**, sinh năm 1996. Địa chỉ: K100/1 N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, có mặt.
- Bà **Phan Thị Khánh L**, sinh năm 1987. Địa chỉ: 29 N, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Lê Lý Sô N**, sinh năm 1976. Địa chỉ: 158 T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Bà **Lê Thị Quỳnh N**, sinh năm 1977. Địa chỉ: 39 Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 17/12/2019, tại quán cà phê số 32 đường P, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang Trương Ngọc T (sinh năm: 1992, HKTT: Khu phố Đ, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương) đang thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng. Qua lời khai của Trương Ngọc T xác định Vũ Minh H thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng giống T.

Vào lúc 13h15 ngày 17/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải

Châu khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Minh H tại lô số 11B2.6 Khu gia đình quân nhân S, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng và:

* Thu giữ của Vũ Minh H:

- 02 tờ giấy nộp tiền số TT1924732769; TT1922444580;
- 01 phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển tiền nạp tiền ngày 18/7/20149;
- 01 tờ giấy mượn tiền ký tên Kiều Thị Thu Th;
- 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu xanh Imei 353233102273173;
- 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen số model HP15 - da0055TU;
- 01 điện thoại Nokia màu xanh, Model TA-1010; Imei 352891104268723 kèm theo sim mang số thuê bao 0901.515.814.

* Thu giữ của Bùi Văn H (sinh năm: 2000, HKTT: Thôn M, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương):

- 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu xám, Imei 353290070333604;
- 01 điện thoại Nokia màu xanh, Model TA-1010; Imei 355816099138349, kèm theo sim mang số thuê bao 0765.313.555.

Vũ Minh H và Bùi Văn H khai những đồ vật trên liên quan đến hành vi cho vay nặng lãi của Minh H và Văn H.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu còn thu giữ của Vũ Minh H: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 43F1-258.57, số máy: 5C6J167715, số khung: C6J0FY167713, kèm theo 01 giấy đăng ký đối với chiếc xe mô tô này.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đã thu thập toàn bộ các dữ liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng qua điện thoại và máy tính xách tay của Vũ Minh H; quá trình điều tra, xác định:

Đầu năm 2019, Vũ Minh H từ Hải Dương vào thành phố Đà Nẵng tìm việc làm thì gặp Trương Ngọc T. Qua nói chuyện với T, H biết được phương cách hoạt động cho vay lãi nặng. Đến đầu tháng 04.2019, Hiếu mượn được số tiền 300.000.000 đồng để làm vốn và tiến hành hoạt động cho vay với lãi suất cao trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Thông qua ứng dụng tên “Tima Lender”, Hiếu tìm những người có nhu cầu vay tiền. Sau đó, H gọi điện thoại cho người có nhu cầu vay để trao đổi về việc vay tiền và trực tiếp đến nhà hoặc chỗ làm việc của người vay để xác định nơi cư trú, kiểm tra giấy tờ tùy thân và thẩm định khả năng trả nợ của người vay trước khi quyết định cho vay. Tùy trường hợp cụ thể mà H có thể giữ giấy tờ của người vay trong một vài ngày hoặc chụp lại các loại giấy tờ hoặc yêu cầu người vay viết giấy nợ để hợp thức khoản vay làm căn cứ khi đòi nợ với hai hình thức sau:

- Hình thức thứ nhất: Trả lãi đúng, nghĩa là thu tiền lãi trước thời gian 10 ngày so với lãi suất 547,5 %/năm, tiền gốc thu một lần khi tắt toán.

- Hình thức thứ hai: Thu lãi và gốc theo ngày trong thời hạn 24 ngày đến 50 ngày với lãi suất từ 182,5 % đến 669,17%/năm.

Ngoài ra còn tùy từng trường hợp, H còn thu thêm một khoản phí dịch vụ từ 3% đến 5% trên số tiền vay.

Việc giao tiền vay hoặc thu tiền góp hằng ngày của H có thể thực hiện bằng cách

giao nhận trực tiếp với người vay, tại một địa điểm bất kỳ do H hoặc người vay chọn trước hoặc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng giữa H và người vay. Tài khoản ngân hàng H sử dụng giao dịch là: 19034482810015 của Ngân hàng Techcombank, mang tên Vũ Minh H. Quá trình cho vay, H lấy tên giả là H hoặc V để giao dịch với người vay tiền. H quản lý hoạt động cho vay bằng một file Excel, trên đó thể hiện toàn bộ thông tin về người vay, ngày vay, số tiền thực vay, gói vay, số tiền góp hàng ngày và quá trình trả tiền góp của người vay. H cập nhập các thông tin này hàng ngày (hoặc vài ngày một lần) rồi lưu lại thành một file mới bằng cách gửi file này vào chính tài khoản Gmail của H (Tên tài khoản: vuminhhieu6789@gmail.com), H đã cho 19 người vay gồm có:

1. Bà **Phạm Thị Thanh T** (sinh năm: 1980; trú: K59/16 N, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 38 lần, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 24.4.2019, 24.5.2019, 23.6.2019, 20.7.2019, 15.8.2019, 21.10.2019, 11.11.2019, T đã vay của H mỗi lần 40.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 49.200.000 đồng, trả trong vòng 41 ngày, mỗi ngày 1.200.000 đồng, lãi suất là 204,76%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay vào ngày 24.4.2019 là 1.500.000 đồng, các lần sau H không thu phí dịch vụ. T đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 9.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 8.301.370 đồng. Riêng lần vay vào ngày 11.11.2019, T đã thanh toán số tiền gốc được 32 ngày với số tiền 38.400.000 đồng (gốc chưa trả 1.600.000 đồng). H thu lãi được số tiền 7.180.488 đồng, H thu lợi bất chính là 6.479.118 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $8.301.370 \text{ đ} \times 6 + 6.479.118 \text{ đ} = 56.287.338 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 1.500.000 đồng.

- Vào các ngày 04.5.2019, 20.5.2019, 05.6.2019, 10.6.2019, 29.6.2019, 30.6.2019, 11.7.2019, 14.7.2019, 15.7.2019, 16.7.2019, 27.7.2019, 31.7.2019, 03.8.2019, 13.8.2019, T đã vay của H tổng cộng 15 lần (ngày 31.7.2019 vay 02 lần), mỗi lần vay số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, lãi suất là 243,33%/năm, H thu phí dịch vụ các lần vào 04.5.2019, 10.6.2019, 11.7.2019, 16.7.2019, mỗi lần là 300.000 đồng, các lần khác H không thu phí dịch vụ. T đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 1.835.616 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $1.835.616 \text{ đ} \times 15 = 27.534.240 \text{ đồng}$; Tổng dịch vụ: 1.200.000 đồng.

- Vào các ngày 30.5.2019, 30.6.2019, 2.7.2019, 22.7.2019, 27.7.2019, 15.8.2019, 16.9.2019, 08.10.2019, 15.10.2019, 28.10.2019, 31.10.2019, 2.11.2019, 14.11.2019, 16.11.2019, 23.11.2019, T đã vay của H mỗi lần số tiền là 20.000.000 đồng, trả trong vòng 41 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất là 204,76%/năm, H thu phí dịch vụ các lần vào ngày 30.5.2019, 28.10.2019 là 1.000.000 đồng, các lần sau H không thu phí dịch vụ. T đã thanh toán hết 12 lần, H thu lãi mỗi lần được 4.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 4.150.685 đồng.

+ Lần vay vào ngày 14.11.2019, T đã thanh toán được 29 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 17.400.000 đồng, H thu lãi được số tiền 3.253.659 đồng, H thu lợi bất chính số tiền 2.935.850 đồng (số tiền gốc T chưa trả là 5.853.659 đồng).

+ Lần vay vào ngày 16.11.2019, T đã thanh toán được 27 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 16.200.000 đồng, H thu lãi được số tiền 3.029.268 đồng, H thu lợi bất chính số

tiền 2.733.378 đồng (số tiền gốc T chưa trả là 6.829.268 đồng).

+ Lần vay vào ngày 23.11.2019, T đã thanh toán được 20 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng, H thu lãi được số tiền 2.243.902 đồng, H thu lợi bất chính số tiền 2.024.724 đồng (số tiền gốc T chưa trả là 10.243.902 đồng)

Tổng thu lợi bất chính: $4.150.685 \text{ đ} \times 12 + 2.935.850 \text{ đ} + 2.733.378 \text{ đ} + 2.024.724 \text{ đ} = 57.502.172 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 2.800.000 đồng.

- Vào ngày 26.9.2019, T đã vay của H số tiền là 30.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả 36.900.000 đồng, trả trong vòng 41 ngày, mỗi ngày 900.000 đồng, lãi suất là 204,76%/năm, H không thu phí dịch vụ. T đã thanh toán hết, H thu lãi được 6.900.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 6.226.027 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Phạm Thị Thanh Th vay 38 lần với lãi suất từ 204,76%/năm đến 243,33%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 147.549.777 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 5.500.000 đồng. Số tiền gốc bà T chưa trả tổng cộng là 24.526.829 đồng.

2. Bà Kiều Thị Thiên H (sinh năm: 1972; trú: K38/6 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 21 lần, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 13.6.2019, 16.6.2019, 05.7.2019, 18.7.2019, 22.7.2019, 06.8.2019, 24.8.2019, H đã vay của H 09 lần (các ngày 05.7.2019 và 22.7.2019, mỗi ngày vay 02 lần), mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 25.200.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay vào các ngày 13.6.2019, 16.6.2019, 18.7.2019 là 1.000.000 đồng, các lần khác H thu phí dịch vụ mỗi lần là 600.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 5.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 4.739.726 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $4.739.726 \text{ đ} \times 9 = 42.657.534 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 6.600.000 đồng.

- Vào các ngày 02.8.2019, 21.8.2019, 08.9.2019, H đã vay của H mỗi lần 30.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 37.800.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 900.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần là 900.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 7.800.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 7.109.589 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $7.109.589 \text{ đ} \times 3 = 21.328.767 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 2.700.000 đồng.

- Vào các ngày 09.8.2019, 24.8.2019, 08.9.2019, H đã vay của H mỗi lần 40.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 50.400.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 1.200.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần là 1.200.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 10.400.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 9.479.452 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $9.479.452 \text{ đ} \times 2 = 18.958.904 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 2.400.000 đồng.

- Vào ngày 08.9.2019, H đã vay của H số tiền 60.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả 75.600.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 1.800.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ là 1.800.000 đồng, H đã trả được số tiền gốc 56.114.286 đồng, tiền lãi 39 ngày là 14.485.714 đồng, H thu lợi bất chính số tiền 13.203.253 đồng (số tiền gốc H chưa trả là 3.885.714 đồng).

- Vào các ngày 16.10.2019, 24.10.2019, 04.11.2019, H đã vay của H mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 24.800.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 800.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ các lần vay ngày 16.10.2019, 24.10.2019 là 1.000.000 đồng, các lần sau thu phí dịch vụ là 600.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 4.800.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 4.460.274 đồng. Riêng lần vay vào ngày 19.11.2019, H thanh toán số tiền gốc và lãi được 22 ngày với tổng số tiền 17.600.000 đồng, tiền lãi đã thu 3.406.452 đồng, H thu lợi bất chính 3.165.356 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $4.460.274 \text{ đ} \times 3 + 3.165.356 \text{ đ} = 16.546.178 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 3.200.000 đồng (số tiền gốc H chưa trả là 5.806.452 đồng).

- Vào các ngày 11.11.2019, 24.11.2019, H đã vay của H mỗi lần 30.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 37.200.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 1.200.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần là 900.000 đồng. Lần vay ngày 11.11.2019, H đã thanh toán hết, H thu lãi được 7.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 6.690.411 đồng. Riêng lần vay vào ngày 24.11.2019, H thanh toán số tiền gốc và lãi được 17 ngày với tổng số tiền 20.400.000 đồng, tiền lãi đã thu 3.948.387 đồng, trong đó thu lợi bất chính 3.668.935 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $6.690.411 \text{ đ} + 3.668.935 \text{ đ} = 10.359.346 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 1.800.000 đồng (số tiền gốc Hương chưa trả là 13.548.387 đồng).

Như vậy, H đã cho bà Kiều Thị Thiên H vay 21 lần với lãi suất từ 225,95%/năm đến 282,58%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 123.053.982 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 18.500.000 đồng. Số tiền gốc bà H chưa trả tổng cộng là 23.240.553 đồng.

3. Bà Kiều Thị Thu T (sinh năm: 1976; trú: 14 G, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 21 lần, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 23.4.2019, 13.6.2019, 05.7.2019, T đã vay của H mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 24.800.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 800.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay vào ngày 23.4.2019 là 1.000.000 đồng, các lần sau H thu phí dịch vụ mỗi lần là 600.000 đồng. T đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 4.800.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 4.460.274 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $4.460.274 \text{ đ} \times 3 = 13.380.822 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 2.200.000 đồng.

- Vào các ngày 09.5.2019, 27.5.2019, 19.6.2019, 05.7.2019, T đã vay của H mỗi lần số tiền 25.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 31.000.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần là 750.000 đồng. T đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 6.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 5.575.342 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $5.575.342 \text{ đ} \times 4 = 22.301.368 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 3.000.000 đồng.

- Vào ngày 16.5.2019, T đã vay của H số tiền 15.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 18.600.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ là 750.000 đồng. T đã thanh toán hết, H thu lãi được 3.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 3.345.205 đồng.

- Vào các ngày 21.7.2019, 04.8.2019, 19.8.2019, 04.9.2019, T đã vay của H mỗi lần số tiền 45.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 55.800.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 1.800.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần là 1.350.000 đồng. T đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 10.800.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 10.035.616 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $10.035.616 \text{ đ} \times 4 = 40.142.464$ đồng; Tổng phí dịch vụ: 5.400.000 đồng.

- Vào các ngày 18.7.2019, 26.7.2019, 04.8.2019, 16.8.2019, 22.8.2019, 04.9.2019, T đã vay của H mỗi lần số tiền 3.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 37.800.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 900.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ vào các ngày 18.7.2019 và 26.7.2019 mỗi lần là 1.500.000 đồng, các lần sau thu phí dịch vụ là 900.000 đồng. T đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 7.800.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 7.109.589 đồng. Riêng lần vay vào ngày 04.9.2019, T đã thanh toán tiền gốc là 10.700.000 đồng (gốc còn lại chưa trả là 19.300.000 đồng), trả tiền lãi 14 ngày là 2.600.000 đồng, H thu lợi bất chính 2.369.863 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $7.109.589 \text{ đ} \times 5 + 2.369.863 \text{ đ} = 37.917.808$ đồng; Tổng phí dịch vụ: 6.600.000 đồng.

- Vào các ngày 21.10.2019, 06.11.2019, T đã vay của H mỗi lần số tiền 40.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 49.600.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 1.600.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay ngày 21.10.2019 là 2.000.000 đồng và lần vay ngày 06.11.2019 là 1.200.000 đồng. T đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 9.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 8.920.548 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $8.920.548 \text{ đ} \times 2 = 17.841.096$ đồng; Tổng phí dịch vụ: 3.200.000 đồng.

- Vào ngày 22.11.2019, T đã vay của H số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 62.000.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ là 1.500.000 đồng. T đã thanh toán được 05 ngày với tổng số tiền 10.000.000 đồng, H thu lãi được 1.935.484 đồng, trong đó thu lợi bất chính 1.798.498 đồng (số tiền gốc T chưa trả là 41.935.484 đồng).

Như vậy, H đã cho bà Kiều Thị Thu T vay 21 lần với lãi suất từ 225,95%/năm đến 282,58%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 136.727.261 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 22.650.000 đồng. Số tiền gốc T chưa trả tổng cộng là 61.235.484 đồng.

4. Bà Ngô Thị Thanh H (sinh năm: 1974; trú: Kiệt 226 N, tổ 27, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 12 lần, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 03.5.2019, 31.5.2019, H đã vay của H mỗi lần số tiền 15.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 18.450.000 đồng, trả trong vòng 41 ngày, mỗi ngày 450.000 đồng, lãi suất là 204,76%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần là 500.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 3.450.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 3.113.014 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $3.113.014 \text{ đ} \times 2 = 6.226.028$ đồng; Tổng phí dịch vụ: 1.000.000 đồng.

- Vào các ngày 24.6.2019, 15.7.2019, 07.8.2019, 27.8.2019, 15.9.2019, H đã vay của H mỗi lần số tiền 15.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 18.000.000 đồng,

trả trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 450.000 đồng, lãi suất là 182,50%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần là 500.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 3.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 2.671.233 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $2.671.233 \text{ đ} \times 5 = 13.356.165 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 2.500.000 đồng.

- Vào các ngày 10.7.2019, 07.8.2019, 27.8.2019, 31.8.2019, 23.9.2019, H đã vay của H mỗi lần số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 12.300.000 đồng, trả trong vòng 41 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, lãi suất là 204,76%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần là 500.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 2.300.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 2.075.342 đồng. Riêng lần vay vào ngày 31.8.2019, H đã trả lãi và gốc được 25 ngày với tổng số tiền 7.500.000 đồng, H thu lãi được 1.402.439 đồng, trong đó thu lợi bất chính 1.265.453 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $2.075.342 \text{ đ} \times 4 + 1.265.453 \text{ đ} = 9.566.821 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 2.500.000 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Ngô Thị Thanh H vay 12 lần với lãi suất từ 182,50%/năm đến 204,76%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 29.149.014 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền gốc H chưa trả là 3.902.439 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị Ni N (sinh năm: 1978; trú: 61 Phi, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 06 lần, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 09.7.2019, 13.8.2019, N đã vay của H mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 25.200.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay ngày 09.7.2019 là 1.000.000 đồng và lần vay ngày 13.8.2019 là 600.000 đồng. N đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 5.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 4.739.726 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $4.739.726 \text{ đ} \times 2 = 9.479.452 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 1.600.000 đồng.

- Vào các ngày 05.9.2019, 26.9.2019, N đã vay của H mỗi lần số tiền 30.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 37.800.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 900.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần vay là 900.000 đồng. N đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 7.800.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 7.109.589 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $7.109.589 \text{ đ} \times 2 = 14.219.178 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 1.800.000 đồng.

- Vào các ngày 22.10.2019, 14.11.2019, N đã vay của H mỗi lần số tiền 40.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 50.400.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 1.200.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần vay là 1.200.000 đồng. Lần vay ngày 22.10.2019, N đã thanh toán hết, H thu lãi được 10.400.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 9.479.452 đồng. Lần vay vào ngày 14.11.2019, N đã thanh toán được số tiền lãi và gốc tổng cộng là 34.800.000 đồng, H thu lãi được 7.180.952 đồng, trong đó thu lợi bất chính 6.545.336 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $9.479.452 \text{ đ} + 6.545.336 \text{ đ} = 16.024.788 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 2.400.000 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Nguyễn Thị Ni N vay 06 lần với lãi suất 225,95%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 39.723.418 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 5.800.000 đồng. Số tiền gốc N chưa trả là 12.380.952 đồng.

6. Ông Ngô Đức Quốc (sinh năm: 1993; trú: 43 N, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 03 lần, cụ thể như sau:

- Vào ngày 25.9.2019, Q vay của H số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả 12.600.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, Hiếu thu phí dịch vụ là 500.000 đồng. Q đã thanh toán hết, Hiếu thu lãi được 2.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 2.369.863 đồng.

- Vào ngày 26.9.2019, Q vay của H với hình thức lãi đứng số tiền 10.000.000 đồng, trả lãi 10 ngày 01 lần với số tiền 1.500.000 đồng, lãi suất là 547,50%/năm, H thu phí dịch vụ là 500.000 đồng. Q đã thanh toán hết tiền gốc và tiền lãi 01 lần, H thu lãi được 1.500.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 1.445.205 đồng.

- Vào ngày 11.11.2019, Q vay của H số tiền 20.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả 25.200.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ là 1.000.000 đồng. Q đã thanh toán tiền gốc và lãi được 37 ngày với tổng số tiền 22.200.000 đồng, H thu lãi được 4.580.952 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 4.175.473 đồng.

Như vậy, H đã cho ông Ngô Đức Q vay 03 lần với lãi suất từ 225,95%/năm đến 547,50%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 7.990.541 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền gốc Q chưa trả là 2.380.952 đồng.

7. Bà Phan Thị Kiều Mộng N (sinh năm: 1981; trú: Tổ 68, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 04 lần, cụ thể như sau:

Vào các ngày 14.10.2019, 04.11.2019, 22.11.2019, 11.12.2019, N đã vay của H mỗi lần số tiền 30.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 36.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 1.200.000 đồng, lãi suất là 243,33%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay ngày 14.10.2019 là 1.500.000 đồng, các lần sau thu 1.000.000 đồng. N đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 6.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 5.506.849 đồng. Riêng lần vay vào ngày 11.12.2019, N đã trả lãi và gốc được 06 ngày với tổng số tiền 7.200.000 đồng, H thu lãi được 1.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 1.101.370 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Phan Thị Kiều Mộng N vay 04 lần với lãi suất 243,33%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 17.621.917 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 4.500.000 đồng. Số tiền gốc N chưa trả là 24.000.000 đồng.

8. Bà Nguyễn Thu H (sinh năm: 1974; trú: K99/11 H, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 05 lần, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 18.9.2019, 21.9.2019, H đã vay của Hiếu mỗi lần số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 12.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, lãi suất là 243,33%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần vay là 500.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 1.835.616 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $1.835.616 \text{ đ} \times 2 = 3.671.232 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 1.000.000 đồng.

- Vào các ngày 11.10.2019, 06.11.2019, 10.12.2019, H đã vay của H mỗi lần số tiền 30.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 36.900.000 đồng, trả trong vòng 41 ngày, mỗi ngày 900.000 đồng, lãi suất là 204,76%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần vay là 500.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 6.900.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 6.226.027 đồng. Riêng lần vay ngày 10.12.2019, H đã thanh toán lãi và gốc được 07 ngày với tổng số tiền 6.300.000 đồng, H thu lãi được 1.178.049 đồng, trong đó thu lợi bất chính 1.062.980 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $6.226.027 \text{ đ} \times 2 + 1.062.980 \text{ đ} = 13.515.034 \text{ đồng}$; Tổng phí dịch vụ: 1.500.000 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Nguyễn Thu H vay 05 lần với lãi suất từ 204,76%/năm đến 243,33%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 17.186.226 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 2.500.000 đồng. Số tiền gốc H chưa trả là 24.878.049 đồng.

9. Bà Nguyễn Thị Kim O (sinh năm: 1981; trú: K26/11 Đ, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 01 lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 09.8.2019, O đã vay của H số tiền 25.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 30.750.000 đồng, trả trong vòng 41 ngày, mỗi ngày 750.000 đồng, lãi suất là 204,76%/năm, H thu phí dịch vụ là 1.500.000 đồng. O đã thanh toán hết, H thu lãi được 5.750.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 5.188.365 đồng.

10. Bà Nguyễn Thanh H (trú: K361/2 T, phường X, quận K, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 01 lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 14.9.2019, H vay của Hiếu số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 62.500.000 đồng, trả trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 1.250.000 đồng, lãi suất là 182,50%/năm, H thu phí dịch vụ là 2.500.000 đồng. H đã thanh toán hết, H thu lãi được 12.500.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 11.130.137 đồng.

11. Bà Dương Thị Hồng T (sinh năm 1961; trú: K191/8 K, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 04 lần, cụ thể như sau:

Vào các ngày 24.6.2019, 14.7.2019, 02.8.2019, 30.8.2019, T đã vay của H mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 60.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng, lãi suất là 243,33%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay ngày 24.6.2019 là 1.750.000 đồng, các lần sau H không thu phí dịch vụ. T đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 10.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 9.178.082 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Dương Thị Hồng Th vay 04 lần với lãi suất 243,33%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 36.178.082 đồng; thu phí dịch vụ số tiền 1.750.000 đồng.

12. Bà Kiều Thị Hồng A (sinh năm 1974; trú: K909/H8/5 N, phường A, quận S thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 05 lần, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 27.4.2019, 06.5.2019, 21.5.2019, A đã vay của H mỗi lần số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 6.200.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 2.00.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần vay là

150.000 đồng. Á đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 1.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 1.115.068 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $1.115.068 \text{ đ} \times 3 = 3.345.204$ đồng; Tổng phí dịch vụ: 450.000 đồng.

- Vào ngày 29.4.2019, Á vay của Hiếu số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.400.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ là 300.000 đồng. Á đã thanh toán hết, H thu lãi được 2.400.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 2.230.137 đồng.

- Vào ngày 13.5.2019, Á vay của H số tiền 15.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 18.600.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ là 450.000 đồng. Á đã thanh toán hết, Hiếu thu lãi được 3.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 3.345.205 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Kiều Thị Hồng Á vay 05 lần với lãi suất 282,58%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 8.920.546 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 1.200.000 đồng.

13. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh (sinh năm 1987; trú: K49/H01/66 V, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 04 lần, cụ thể như sau:

Vào các ngày 18.8.2019, 19.9.2019, 16.10.2019, 26.11.2019, O đã vay của H mỗi lần số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 12.600.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần vay là 500.000 đồng. O đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 2.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 2.369.863 đồng. Riêng lần vay ngày 26.11.2019, O đã trả tiền lãi và gốc được 19 ngày với tổng số tiền 5.700.000 đồng, H thu lãi được 1.176.190 đồng, trong đó thu lợi bất chính 1.072.081 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Huỳnh Thị Kim O vay 04 lần với lãi suất 282,58%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 8.181.670 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền gốc O chưa trả là 5.476.190 đồng.

14. Bà Nguyễn Thị Thúy V (sinh năm 1976; trú: 169 N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 05 lần, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 15.5.2019, 05.6.2019, 05.7.2019, V đã vay của H mỗi lần số tiền 15.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 18.900.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 450.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay ngày 15.5.2019 là 600.000 đồng, các lần sau thu phí dịch vụ 300.000 đồng. V đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 3.900.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 3.554.795 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $3.554.795 \text{ đ} \times 3 = 10.664.385$ đồng; Tổng phí dịch vụ: 1.200.000 đồng.

- Vào ngày 01.6.2019, V vay của H số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.200.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ là 250.000 đồng. V đã thanh toán hết, H thu lãi được 1.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 1.115.068 đồng.

- Vào ngày 05.7.2019, V vay của H số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là

6.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, lãi suất là 243,33%/năm, H thu phí dịch vụ là 250.000 đồng. V đã thanh toán hết, H thu lãi được 1.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 917.808 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Nguyễn Thị Thúy V vay 05 lần với lãi suất từ 225,95% đến 282,58%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 12.697.261 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 1.700.000 đồng.

15. Bà Nguyễn Thị Xuân T (sinh năm 1987; trú: 35 P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 03 lần, cụ thể như sau:

Vào các ngày 09.9.2019, 04.10.2019, 23.11.2019, T đã vay của H mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 25.200.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần vay là 600.000 đồng. T đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 5.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 4.739.726 đồng. Riêng lần vay ngày 23.11.2019, T đã trả tiền lãi và gốc được 37 ngày với tổng số tiền 22.200.000 đồng, H thu lãi được 4.580.952 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 4.175.473 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Nguyễn Thị Xuân T vay 03 lần với lãi suất 225,95% (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 13.654.925 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 1.800.000 đồng. Số tiền gốc T chưa trả là 2.380.952 đồng.

16. Bà Phan Lê Trà M (sinh năm 1996; trú: K100/1 N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 04 lần, cụ thể như sau:

Vào các ngày 22.9.2019, 21.10.2019, 15.11.2019, 12.12.2019, M đã vay của H mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 24.600.000 đồng, trả trong vòng 41 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất là 204,76%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay ngày 22.9.2019 là 1.000.000 đồng, các lần sau thu phí dịch vụ là 600.000 đồng. M đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 4.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 4.150.685 đồng. Riêng lần vay ngày 12.12.2019, M đã trả tiền lãi và gốc được 04 ngày với tổng số tiền 2.400.000 đồng, H thu lãi được 448.780 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 404.945 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Phan Lê Trà M vay 04 lần với lãi suất 204,76% (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 12.857.000 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 2.800.000 đồng. Số tiền gốc M chưa trả là 18.048.780 đồng.

17. Bà Phan Thị Khánh L (sinh năm 1987; trú: 29 N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 03 lần, cụ thể như sau:

- Vào ngày 09.9.2019, L vay của H số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 62.500.000 đồng, trả trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 1.250.000 đồng, lãi suất là 182,50%/năm, H thu phí dịch vụ là 2.500.000 đồng. L đã thanh toán hết, H thu lãi được 12.500.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 11.130.712 đồng.

- Vào ngày 18.10.2019, L vay của H số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 61.500.000 đồng, trả trong vòng 41 ngày, mỗi ngày 1.500.000 đồng, lãi suất là 182,50%/năm, H thu phí dịch vụ là 2.500.000 đồng. L đã thanh toán hết, H thu lãi được

11.500.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 10.376.712 đồng.

- Vào ngày 25.11.2019, L vay của H số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 60.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng, lãi suất là 243,33%/năm, H thu phí dịch vụ là 1.500.000 đồng. L đã thanh toán hết, H thu lãi được 10.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 9.178.082 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Phan Thị Khánh L vay 03 lần với lãi suất từ 182,50% đến 243,33%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 30.684.931 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 5.500.000 đồng.

18. Bà Lê Lý Sô N (sinh năm 1976; trú: 158 T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 06 lần, cụ thể như sau:

- Vào ngày 05.5.2019, N vay của H số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.400.000 đồng, trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 4.00.000 đồng, lãi suất là 282,58%/năm, H thu phí dịch vụ là 500.000 đồng. N đã thanh toán hết, H thu lãi được 2.400.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 2.230.137 đồng.

- Vào ngày 31.5.2019, N vay của H số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 14.400.000 đồng, trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất là 669,17%/năm, H thu phí dịch vụ là 300.000 đồng. N đã thanh toán hết, H thu lãi được 4.400.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 10.376.712 đồng.

- Vào các ngày 26.7.2019, 07.8.2019, 20.8.2019, 05.9.2019, N vay của H mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 26.000.000 đồng, trả trong vòng 26 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng, lãi suất là 421,15%/năm, H thu phí dịch vụ mỗi lần vay là 600.000 đồng. N đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 6.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 5.715.068 đồng. Tổng thu lợi bất chính: $5.715.068 \text{ đ} \times 4 = 22.860.272$ đồng; Tổng phí dịch vụ: 2.400.000 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Lê Lý Sô N vay 06 lần với lãi suất từ 282,58% đến 669,17%/năm (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 29.358.902 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 3.200.000 đồng.

19. Bà Lê Thị Quỳnh N (sinh năm 1977; trú: 39 Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) vay của Vũ Minh H 02 lần, cụ thể như sau:

Vào các ngày 12.6.2019, 28.6.2019, N vay của H mỗi lần số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền mỗi lần phải trả là 12.600.000 đồng, trả trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, lãi suất là 225,95%/năm, H thu phí dịch vụ lần vay ngày 12.6.2019 là 600.000 đồng và lần vay ngày 28.6.2019 là 300.000 đồng. N đã thanh toán hết, H thu lãi mỗi lần được 2.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 2.369.863 đồng.

Như vậy, H đã cho bà Lê Thị Quỳnh N vay 06 lần với lãi suất 225,95% (vượt quá mức lãi suất 100%/năm); thu lợi bất chính được tổng số tiền 4.739.726 đồng; thu phí dịch vụ tổng số tiền 900.000 đồng.

Về biện pháp cưỡng chế:

- Phong tỏa số tiền trong tài khoản số 2016206065028 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam của Vũ Minh H theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 07

ngày 04.02.2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu;

- Phong tỏa số tiền trong tài khoản số 19034482810015 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 08 ngày 04.02.2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Vũ Minh H phải trả lại số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay quá lãi suất quy định.

Bị cáo Vũ Minh H đã nộp số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 0358 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 39/ĐTHS ngày 14.4.2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đề nghị truy tố Vũ Minh H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 08.5.2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố Vũ Minh H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Vũ Minh H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thống nhất nội dung cáo trạng đã truy tố; bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Các luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Minh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Vũ Minh H như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Minh H từ 09 đến 12 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Vũ Minh H phải nộp lại số tiền 3.190.368.330 đồng là phương tiện phạm tội; nộp lại số tiền 65.153.425 đồng là tiền lãi (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) và nộp lại số tiền 92.300.000 đồng là tiền phí dịch vụ đã thu để sung công quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo Vũ Minh H phải trả lại tiền đã thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về biện pháp cưỡng chế: Tiếp tục duy trì các Lệnh phong tỏa đối với số tiền có trong các tài khoản đã bị phong tỏa theo Lệnh số 07 ngày 04.02.2020 và 08 ngày 04.02.2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu; tiếp tục quy trừ số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo Vũ Minh H đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu xanh Imei

353233102273273, gắn thẻ sim: 0366.216.789; 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen số model HP15 - da0055TU; 01 điện thoại Nokia màu xanh, Model TA-1010; Imei 352891104268723, gắn thẻ sim: 0901.515.814 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 43F1-258.57, số máy: 5C6J167715, số khung: C6J0FY167713, kèm theo giấy đăng ký xe đã thu giữ của Vũ Minh H.

Tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án: 02 tờ giấy nộp tiền số TT1924732769 và TT1922444580; 01 phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển tiền nạp tiền ngày 18.7.20149; 01 tờ giấy mượn tiền ký tên Kiều Thị Thu T.

- Tại Bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Vũ Minh H, các Luật sư Nguyễn Hào H, Nguyễn Duy M, Dương Đức T đều thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đã truy tố đối với bị cáo H theo Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 08.5.2020. Tuy nhiên, các Luật sư cho rằng, bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình tự nguyện khắc phục một phần số tiền thu lợi bất chính. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 201, Điều 50, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

- Đối với ý kiến bào chữa của các Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu cho rằng: Mặc dù khung hình phạt bị cáo H bị truy tố thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện nhiều lượt cho vay, cho nhiều người vay, hậu quả của hành vi cho vay lãi nặng gây ra những hệ lụy lớn cho xã hội, nên giữ nguyên quan điểm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo H như ý kiến của người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Đầu năm 2019, Vũ Minh H từ Hải Dương vào thành phố Đà Nẵng tìm việc làm thì gặp Trương Ngọc T. Qua nói chuyện với T, H biết được phương thức hoạt động cho vay lãi nặng. Đến đầu tháng 04.2019, H bắt đầu tiến hành hoạt động cho vay với lãi suất cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Thông qua ứng dụng mang tên “Tima Lender”, H tìm những người có nhu cầu vay tiền. Sau đó, H gọi điện thoại cho những người này để trao đổi về việc vay tiền và trực tiếp đến nhà hoặc chỗ làm việc của người vay để xác định nơi cư trú, kiểm tra giấy tờ tùy thân và thẩm định khả năng trả nợ của người vay trước khi quyết định cho vay. Tùy trường hợp cụ thể mà H có thể giữ giấy tờ của người vay trong một vài ngày hoặc chụp lại các loại giấy tờ hoặc yêu cầu người vay viết giấy nợ để hợp thức khoản vay làm căn cứ khi đòi nợ; H cho vay với hai hình thức sau:

- Hình thức thứ nhất: Trả lãi đúng, nghĩa là thu tiền lãi trước thời gian 10 ngày so với lãi suất 547,5 %/năm, tiền gốc thu một lần khi tắt toán.

- Hình thức thứ hai: Thu lãi và gốc theo ngày trong thời hạn 24 ngày đến 50 ngày với lãi suất từ 182,5 % đến 669,17%/năm.

Ngoài ra, tùy từng trường hợp H còn thu thêm một khoản phí dịch vụ từ 3% đến 5% trên số tiền vay. Việc giao tiền vay hoặc thu tiền góp hàng ngày của H có thể thực hiện bằng cách giao nhận trực tiếp với người vay tại một địa điểm bất kỳ do H hoặc người vay chọn trước hoặc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng giữa H và người vay. Tài khoản ngân hàng H sử dụng giao dịch là: 19034482810015 của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) mang tên Vũ Minh H. Quá trình cho vay, H lấy tên giả là H hoặc V để giao dịch với người vay. H quản lý hoạt động cho vay bằng một file Excel, trên đó thể hiện toàn bộ thông tin về người vay, ngày vay, số tiền thực vay, gói vay, số tiền góp hàng ngày và quá trình trả tiền góp của người vay. H cập nhập các thông tin này hàng ngày (hoặc vài ngày một lần) rồi lưu lại thành một file mới bằng cách gửi file này vào chính tài khoản Gmail của H (Tên tài khoản: yuminhhieu6789@gmail.com).

Bằng phương thức nêu trên, từ tháng 04.2019 đến ngày 17.12.2019, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Vũ Minh H đã thực hiện hoạt động cho 19 người vay tiền với tổng số 148 lượt vay theo mức lãi suất từ 182,50%/năm đến 669,17%/năm; thu lợi bất chính tổng số tiền 693.128.228 đồng và thu lợi từ việc thu phí dịch vụ là 92.300.000 đồng. Hành vi nêu trên của Vũ Minh H đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 08.5.2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo H là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:

Tuy vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý tài chính. Mức lãi suất bị cáo cho vay cao gấp hàng chục lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 2015. Bị cáo thực hiện hành vi liên tục trong một thời gian dài, thu lợi bất chính số tiền lớn gây khó khăn cho hoạt động quản lý kinh tế Nhà nước và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng đối với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Minh H.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Vũ Minh H có nhân thân tốt thể hiện ở việc chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Minh H không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình nộp khắc phục một phần số tiền thu lợi bất chính. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo Vũ Minh H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu cũng như của người bào chữa cho bị cáo. Đối với ý kiến bào chữa của các Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo H phạm tội lần đầu và khung hình phạt bị cáo bị truy tố thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, chỉ trong một thời gian ngắn, bị cáo đã liên tiếp cho nhiều người vay với nhiều lượt vay, thu lợi bất chính số tiền lớn, tính chất hành vi phạm tội gây ra những hệ lụy nhất định cho xã hội. Để đảm bảo tính răn đe cũng như đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu không áp dụng tình tiết như đã nêu trên đối với bị cáo.

[7]. Về quyết định hình phạt: Tuy gây ra những hệ lụy nhất định cho xã hội, song xét bản chất các giao dịch cũng dựa trên sự đồng ý của người vay, phần lớn các giao dịch đều xuất phát từ đề nghị của người vay. Mặt khác, đối với loại tội phạm này, ngoài việc chịu chế tài hình sự, bị cáo còn phải bị áp dụng các biện pháp tư pháp, thu toàn bộ tiền bỏ ra cho vay để sung công quỹ Nhà nước đồng thời buộc trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho người vay. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo Vũ Minh H hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng đồng thời để răn đe phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết nêu trên, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8]. Đối với một số trường hợp liên quan trong vụ án:

[8.1] Đối với Trương Ngọc T và Bùi Văn H có hành vi cho vay lãi nặng nhưng không liên quan đến hoạt động cho vay của Vũ Minh H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và chuyển các vật chứng đã thu giữ của Bùi Văn H để xử lý trong vụ án khác là phù hợp.

[8.2] Đối với một số người vay có tên “Hương 232 Nguyễn Công Trứ”, “Huê 62 Mai Lão Bạng”, “Tuấn 82 Tổ Hữu”, “Phượng 99 đường 3 tháng 2”, “Vân 140/22A Thăng Long”, “Cường 196 Đặng Thúc Trâm”, “Nga Điện Biên Phủ”, “Thanh An Cư 2”, “Phượng Chợ Đêm”, “Nhân cfa” và một số người khác không có

mặt tại nơi cư trú hoặc không rõ nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đã thông báo truy tìm và tiếp tục điều tra, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9]. Về biện pháp tư pháp:

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người vay tiền của bị cáo Vũ Minh H có đầy đủ nhân thân, địa chỉ, có lời khai, có yêu cầu trong hồ sơ vụ án. Qua đối chiếu lời khai với các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo. Trên cơ sở số tiền vay, diễn biến quá trình trả tiền gốc, tiền lãi đối với từng lượt vay, người vay, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[9.1] Đối với những người vay tiền đã trả hết toàn bộ số tiền vay theo như thỏa thuận với bị cáo, thì Hội đồng xét xử căn cứ vào số tiền thu lợi bất chính (số tiền vượt quá mức lãi suất 20%/năm) đối với từng khoản vay, từng lần vay để buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính tương ứng cho từng người vay. Số tiền gốc cho vay là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Số tiền lãi trong phạm vi 20%/năm là lãi suất được pháp luật thừa nhận, nhưng đây là tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9.2] Đối với những người vay tiền đã trả được một phần tiền gốc của khoản vay, thì cần buộc những người này tiếp tục trả phần còn lại để sung công quỹ Nhà nước.

[9.3] Trong vụ án này, tính tổng các lần cho vay, số tiền gốc bị cáo Vũ Minh H bỏ ra là 3.400.000.000 đồng, đã thu hồi lại 3.190.368.330 đồng, số tiền gốc chưa thu hồi từ người vay là 209.631.607 đồng. Do đó, cần buộc bị cáo Vũ Minh H phải nộp lại số tiền 3.190.368.330 đồng và buộc những người vay chưa trả nợ gốc phải nộp lại số tiền 209.631.607 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Số tiền từng người vay phải nộp lại cụ thể như sau: Bà Phạm Thị Thanh T 24.526.829 đồng, bà Kiều Thị Hiên H 23.240.553 đồng; bà Kiều Thị Thu T 61.235.484 đồng, bà Ngô Thị Thanh H 3.902.439 đồng, bà Nguyễn Thị Ni N 12.380.952 đồng, ông Ngô Đức Q 2.380.952 đồng, bà Phan Thị Kiều Mộng N 24.000.000 đồng, bà Nguyễn Thu H 24.878.049 đồng, bà Huỳnh Thị Kim O 5.476.190 đồng, bà Nguyễn Thị Xuân T 2.380.952 đồng và bà Phan Lê Trà M 18.048.780 đồng.

[9.4] Số tiền lãi tương ứng 20%/năm của tất cả các giao dịch là 65.153.425 đồng. Số tiền này là phát sinh từ hoạt động tội phạm, nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9.5] Ngoài số tiền gốc, tiền lãi nói trên bị cáo Vũ Minh H còn thu thêm tiền phí dịch vụ từ người vay với tổng số tiền là 92.300.000 đồng. Mặc dù, số tiền này là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người vay. Tuy nhiên, đây cũng là tiền phát sinh từ hoạt động phạm tội nên cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền nói trên để sung công quỹ Nhà nước.

[10]. Về biện pháp cưỡng chế:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đã có Lệnh phong tỏa tài khoản đối với:

- Tài khoản số 2016206065028 của Vũ Minh H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chi Lăng Đà Nẵng;
- Tài khoản số 19034482810015 của Vũ Minh H tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Đà Nẵng;

Xét thấy cần tiếp tục duy trì các Lệnh phong tỏa đối với số tiền có trong các tài khoản nói trên của bị cáo Vũ Minh H, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

- Tiếp tục quy trừ số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính bị cáo Vũ Minh H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0358 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[12]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng đã thu giữ của Vũ Minh H gồm: 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu xanh, Imei 353233102273173, gắn thẻ sim 0366.216.789; 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen số Model HP15-da0055TU; 01 điện thoại Nokia màu xanh, Model TA-1010, Imei 352891104268723, gắn thẻ sim 0901.515.814; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 43F1-258.57, số máy: 5C6J167715, số khung: C6J0FY167713, kèm theo giấy đăng ký xe đứng tên Phạm Thị Bích H (do Vũ Minh H mua lại). Đây là tài sản bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với các vật chứng gồm: 02 tờ giấy nộp tiền số TT1924732769 và TT1922444580; 01 phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển tiền nạp tiền ngày 18.7.20149; 01 tờ giấy mượn tiền ký tên Kiều Thị Thu T. Đây là các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra cần tiếp tục quy trừ tại hồ sơ vụ án.

[13]. Về án phí: Bị cáo Vũ Minh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Vũ Minh H** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Vũ Minh H 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 16 tháng 01 năm 2020).

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự:

2.1. Đối với bị cáo Vũ Minh H:

- Buộc bị cáo Vũ Minh H phải nộp lại số tiền 3.190.368.330 đồng là phương tiện phạm tội để sung công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Vũ Minh H phải nộp lại số tiền 65.153.425 đồng là tiền lãi (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) để sung công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Vũ Minh H phải nộp lại số tiền 92.300.000 đồng là tiền phí dịch vụ đã thu để sung công quỹ Nhà nước.

Tổng số tiền bị cáo Vũ Minh H phải nộp để sung công quỹ là 3.347.821.755 đồng (Ba tỷ ba trăm bốn bảy triệu tám trăm hai một nghìn bảy trăm lăm năm đồng).

- Buộc bị cáo Vũ Minh H phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 693.128.228 đồng (tương ứng mức lãi suất trên 20%/năm) cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

- + Bà Phạm Thị Thanh T: 147.549.777 đồng;
- + Bà Kiều Thị Thiên H: 123.054.252 đồng;
- + Bà Kiều Thị Thu T: 136.727.261 đồng;
- + Bà Ngô Thị Thanh H: 29.149.014 đồng;
- + Bà Nguyễn Thị Ni N: 39.723.418 đồng;
- + Ông Ngô Đức Q: 7.990.541 đồng;
- + Bà Phan Thị Kiều Mộng N: 17.621.917 đồng;
- + Bà Nguyễn Thu H: 17.186.266 đồng;
- + Bà Nguyễn Thị Kim O: 5.188.356 đồng;
- + Bà Nguyễn Thanh H: 11.130.137 đồng;
- + Bà Dương Thị Hồng T: 36.712.328 đồng;
- + Bà Kiều Thị Hồng A: 8.920.546 đồng;
- + Bà Huỳnh Thị Kim O: 8.181.670 đồng;
- + Bà Nguyễn Thị Thúy V: 12.697.261 đồng;
- + Bà Nguyễn Thị Xuân T: 13.654.925 đồng;
- + Bà Phan Lê Trà M: 12.857.000 đồng;
- + Bà Phan Thị Khánh L: 30.684.931 đồng;
- + Bà Lê Lý Sô N: 29.358.902 đồng;
- + Bà Lê Thị Quỳnh N: 4.739.726 đồng.

2.2. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung công quỹ Nhà nước, số tiền từng người phải nộp cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị Thanh T: 31.707.317 đồng;
- Bà Kiều Thị Thiên H: 23.240.553 đồng;
- Bà Kiều Thị Thu T: 61.235.484 đồng;
- Bà Ngô Thị Thanh H: 3.902.439 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Ni N: 12.380.952 đồng;
- Ông Ngô Đức Q: 2.380.952 đồng;
- Bà Phan Thị Kiều Mộng Ng: 24.000.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thu H: 24.878.049 đồng;
- Bà Huỳnh Thị Kim O: 5.476.190 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Xuân T: 2.380.952 đồng;
- Bà Phan Lê Trà M: 18.048.780 đồng.

3. Về biện pháp cưỡng chế: Căn cứ Điều 126, 129 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục duy trì các lệnh phong tỏa đối với số tiền có trong:
 - + Tài khoản số 2016206065028 của Vũ Minh H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chi Lăng Đà Nẵng theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 07 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Số tiền theo sổ phụ tài khoản là 27.350 đồng).
 - + Tài khoản số 19034482810015 của Vũ Minh H tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Đà Nẵng theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 08 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Số tiền theo sổ phụ kiểm phiếu báo nợ/có là 556.956.213 đồng).
- Tiếp tục quy trừ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Vũ Minh H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0358 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với các vật chứng thu giữ của Vũ Minh H gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 43F1-258.57, số máy: 5C6J167715, số khung: C6J0FY167713, kèm theo giấy đăng ký xe đứng tên Phạm Thị Bích H.
- 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen, số Model HP15 - da0055TU;
- 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu xanh, số Imei 353233102273173, gắn thẻ sim: 0366.216.789;
- 01 điện thoại Nokia màu xanh, Model TA-1010, số Imei 352891104268723, gắn thẻ sim: 0901.515.814;

Các vật chứng hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22.5.2020.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Minh H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu;
- Cơ quan THA Hình sự quận Hải Châu;
- Chi Cục THADS quận Hải Châu;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Diện